

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

*Báo cáo Tài chính tổng hợp
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
đã được kiểm toán*



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

NỘI DUNG

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 –04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	06-08
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính	11-19



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Công ty

Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3000104879 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 08 năm 2011, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu thuốc chữa bệnh);
- Sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dung cho người, tư vấn thuốc và sức khỏe, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế;
- Kinh doanh vắc xin, sinh phẩm y tế;
- Kinh doanh nước uống tinh khiết, nước giải khát, thực phẩm;
- Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất;
- Tư vấn giám sát thi công các công trình lắp đặt, xây dựng máy móc thiết bị y tế và dược phẩm;
- Xây dựng, thi công, lắp đặt các công trình, máy móc, thiết bị y tế và dược phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp;

Vốn điều lệ của Công ty là 58.513.100.000 đồng (Năm mươi tám tỷ năm trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng). Công ty đang tiến hành các thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới theo số vốn điều lệ này.

Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty trong năm và tại thời điểm lập báo cáo này gồm có

Các thành viên Hội đồng quản trị bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Hồng Phúc	Chủ tịch
Ông Võ Đức Nhân	Ủy viên
Ông Nguyễn Đăng Phát	Ủy viên
Ông Đào Viết Hương	Ủy viên



CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Các thành viên của Ban Giám đốc bao gồm:

Họ và tên

Chức vụ

Ông	Lê Hồng Phúc	Tổng Giám đốc
Ông	Võ Đức Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Đào Viết Hương	Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) – thành viên hãng kiểm toán quốc tế MGI. Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ Tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng; Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc



Lê Hồng Phúc
Tổng Giám đốc

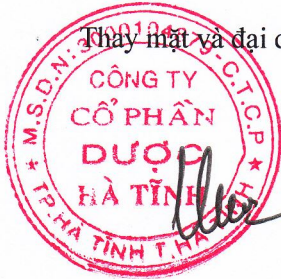
Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 1 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC HÀ TĨNH

Địa chỉ: Số 167 đường Hà Huy Tập, TP Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.



Thay mặt và đại diện cho HĐQT

Lê Hồng Phúc

Chủ tịch hội đồng quản trị

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 1 năm 2013

CHỖ
CH
IV
Ả
VI
NH

Số: 1925 /BCKT-TC/NV7

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo Tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2012 của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh lập ngày 31 tháng 01 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 19 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý về kế toán có liên quan.

**Nguyễn Việt Long**
Phó giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0692/KTV

Trần Trí Dũng
Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0895/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN VIỆT NAM (AVA)

Hà Nội, Ngày 19 tháng 03 năm 2013

020
DN
CHI
NK
TĐ
TĐ
TĐ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		116.559.247.384	105.420.257.766
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		3.264.770.092	4.470.535.913
111	1. Tiền	3	3.264.770.092	4.470.535.913
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		66.664.962.672	60.238.314.751
131	1. Phải thu khách hàng		57.304.350.656	56.323.927.738
132	2. Trả trước cho người bán		6.891.079.079	3.906.231.170
135	5. Các khoản phải thu khác	4	2.469.532.937	25.474.229
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	(17.318.386)
140	IV. Hàng tồn kho		43.751.733.821	39.655.623.146
141	1. Hàng tồn kho	5	43.807.970.654	39.655.623.146
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(56.236.833)	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.877.780.799	1.055.783.956
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		172.031.201	48.859.076
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.376.472.434	261.929.316
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		62.830.386	98.784.714
157	4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu TP		-	-
158	5. Tài sản ngắn hạn khác		1.266.446.778	646.210.850
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		46.146.720.313	29.046.399.797
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		45.858.692.446	29.009.829.856
221	1. Tài sản cố định hữu hình	6	36.942.549.589	20.698.333.360
222	- Nguyên giá		63.084.672.137	43.055.408.223
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(26.142.122.548)	(22.357.074.863)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		(105.040.000)	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	7	7.574.700.311	902.000.000
228	- Nguyên giá		7.574.700.311	902.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	1.446.482.546	7.409.496.496
240	III. Bất động sản đầu tư		-	-
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		288.027.867	36.569.941
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	288.027.867	36.569.941
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		162.705.967.697	134.466.657.563

283
TY
100
TC
TO
AN
TP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		88.955.392.864	86.122.538.091
310	I. Nợ ngắn hạn		83.213.806.464	82.451.625.876
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	30.050.338.634	28.980.088.706
312	2. Phải trả người bán		44.071.931.024	43.682.469.272
313	3. Người mua trả tiền trước		84.499.325	133.879.814
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.872.979.099	2.648.004.230
315	5. Phải trả người lao động		2.751.284.616	3.350.494.983
316	6. Chi phí phải trả	12	171.989.042	814.088.349
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	4.082.066.198	2.268.178.015
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			306.236.833
323	11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		128.718.526	268.185.674
327	12. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu CP		-	-
330	II. Nợ dài hạn		5.741.586.400	3.670.912.215
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		-	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	14	4.501.586.400	1.000.000.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			950.912.215
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		1.240.000.000	1.720.000.000
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ		-	-
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		73.750.574.833	48.344.119.472
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	73.750.574.833	48.344.119.472
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		58.513.100.000	33.316.740.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.223.600.000	2.219.600.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		5.075.212.342	3.706.975.342
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		1.115.598.442	815.598.442
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.823.064.049	8.285.205.688
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		162.705.967.697	134.466.657.563

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại (USD)		365,70	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập



Hoàng Thị Hải Vân

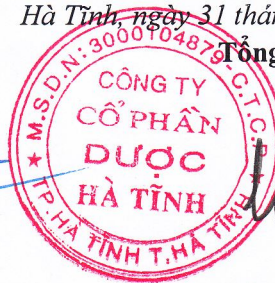
Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Phát

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16	255.772.505.343	255.222.586.611
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	17	3.178.197.160	2.513.301.195
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	252.594.308.183	252.709.285.416
11	4. Giá vốn hàng bán	19	206.535.385.863	203.099.045.495
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		46.058.922.320	49.610.239.921
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	155.523.817	149.481.206
22	7. Chi phí tài chính	21	4.492.292.270	5.410.833.451
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		4.492.292.270	5.410.833.451
24	8. Chi phí bán hàng		25.042.597.640	25.500.590.097
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.703.297.655	8.104.728.180
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.976.258.572	10.743.569.399
31	11. Thu nhập khác		1.176.093.494	550.711.279
32	12. Chi phí khác		41.200.000	247.339.760
40	13. Lợi nhuận khác		1.134.893.494	303.371.519
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.111.152.066	11.046.940.918
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	2.288.088.017	2.761.735.230
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		6.823.064.049	8.285.205.688

Người lập

Hoàng Thị Hải Vân

Kế toán trưởng

Nguyễn Đăng Phát

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Phúc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*Theo phương pháp gián tiếp**Năm 2012**Đơn vị tính: VND*

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
	1. Lợi nhuận trước thuế		9.111.152.066	11.046.940.918
	2. Điều chỉnh cho các khoản		7.681.816.138	8.927.969.660
02	- Khấu hao tài sản cố định		3.785.047.685	3.533.142.395
03	- Các khoản dự phòng		(250.000.000)	436.846.539
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(345.523.817)	(452.852.725)
06	- Chi phí lãi vay		4.492.292.270	5.410.833.451
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi VLD		16.792.968.204	19.974.910.578
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(8.161.426.967)	(3.668.083.099)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(4.096.110.675)	(768.374.817)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay thuế TNDN)		971.432.315	(16.130.336.845)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(374.630.051)	49.173.510
13	- Tiền lãi vay đã trả		(4.492.292.270)	(5.410.833.451)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.125.000.000)	(1.284.253.244)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5.445.673.509	
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(379.465.032)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		2.960.614.065	(7.617.262.400)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác		(25.005.086.888)	(2.939.086.309)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác		190.000.000	550.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác			
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		345.523.817	149.481.206
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(24.469.563.071)	(2.239.605.103)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		23.879.050.000	
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		160.605.319.208	138.400.173.518
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(156.033.482.880)	(128.838.938.834)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính			
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.064.513.200)	(3.931.626.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		22.386.373.128	5.629.608.084
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(1.205.765.821)	(4.227.259.419)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		4.470.535.913	8.697.795.332
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		3.264.770.092	4.470.535.913

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Năm 2012

(Các ghi chú này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Hà Tĩnh là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3000104879 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 08 năm 2011

Vốn điều lệ của Công ty là 58.513.100.000 đồng (Năm mươi tám tỷ năm trăm mười ba triệu một trăm nghìn đồng). Công ty đang tiến hành các thủ tục xin cấp lại Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh mới theo số vốn điều lệ này.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3000104879 do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Tĩnh cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 08 năm 2011, ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (chi tiết: sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu thuốc chữa bệnh);
- Sản xuất, kinh doanh, bán buôn, bán lẻ và xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thuốc, hóa chất, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc, thực phẩm dinh dưỡng, chất tẩy rửa dung cho người, tư vấn thuốc và sức khỏe, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh, phục hồi chức năng, kinh doanh và xuất nhập khẩu vật tư, trang thiết bị, dụng cụ y tế;
- Kinh doanh vắc xin, sinh phẩm y tế;
- Kinh doanh nước uống tinh khiết, nước giải khát, thực phẩm;
- Cho thuê văn phòng, tài sản trên đất;
- Tư vấn giám sát thi công các công trình lắp đặt, xây dựng máy móc thiết bị y tế và dược phẩm;
- Xây dựng, thi công, lắp đặt các công trình, máy móc, thiết bị y tế và dược phẩm;
- Kinh doanh dịch vụ thương mại tổng hợp;

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao đang được Công ty xác định phù hợp với các hướng dẫn tại Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các Quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.



3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	1.288.466.223	1.318.810.576
Tiền gửi ngân hàng	1.976.303.869	3.151.725.337
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	3.264.770.092	4.470.535.913

4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	2.469.532.937	25.474.229
Cộng	2.469.532.937	25.474.229

5 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	13.323.773.513	10.826.888.932
Công cụ, dụng cụ	17.043.636	392.943.257
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	839.736.210	946.874.550
Thành phẩm	13.554.598.390	12.399.519.465
Hàng hóa	10.055.660.426	9.670.675.820
Hàng gửi đi bán	6.017.158.479	5.418.721.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	(56.236.833)	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	43.751.733.821	39.655.623.146

6 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng TSCĐ
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	17.988.064.842	19.964.608.452	4.443.734.293	659.000.636	43.055.408.223
Số tăng trong năm	15.373.400.199	4.285.357.351	277.798.182	92.708.182	20.029.263.914
- XDCB hoàn thành	15.373.400.199	4.285.357.351	277.798.182	92.708.182	20.029.263.914
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	33.361.465.041	24.249.965.803	4.721.532.475	751.708.818	63.084.672.137
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.792.834.553	12.677.999.316	1.548.664.327	337.576.667	22.357.074.863
Số tăng trong năm	1.523.188.862	1.669.787.154	477.051.348	115.020.321	3.785.047.685
- Khấu hao trong năm	1.523.188.862	1.669.787.154	477.051.348	115.020.321	3.785.047.685
- Tăng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	9.316.023.415	14.347.786.470	2.025.715.675	452.596.988	26.142.122.548
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	10.195.230.289	7.286.609.136	2.895.069.966	321.423.969	20.698.333.360
Tại ngày cuối năm	24.045.441.626	9.902.179.333	2.695.816.800	299.111.830	36.942.549.589

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

9.691.242.317

7 .TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền bằng sáng chế	Nhãn hiệu hàng hóa	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	902.000.000	-			902.000.000
Số tăng trong năm	6.672.700.311	-	-	-	6.672.700.311
- XDCB hoàn thành	6.672.700.311				6.672.700.311
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	7.574.700.311	-	-	-	7.574.700.311
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm		-			-
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Khấu hao trong năm		-			-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-	-	0
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	902.000.000	-	-	-	902.000.000
Tại ngày cuối năm	7.574.700.311	-	-	-	7.574.700.311
Trong đó: quyền sử dụng đất có thời hạn 49 năm tại Cẩm Xuyên là:					6.273.100.311
Quyền sử dụng đất lâu dài là:					1.301.600.000

8 .CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	1.446.482.546	
- Công trình: quy hoạch dự án thuê đất Cẩm Xuyên	1.266.336.364	6.764.068.315
- Công trình: kho tạm có mái che		645.428.181
- Công trình: sửa chữa, nâng cấp TSCĐ khác	180.146.182	
Cộng	1.446.482.546	7.409.496.496

9 .CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Chi phí trả trước về công cụ dụng cụ	288.027.867	36.569.941
Cộng	288.027.867	36.569.941

10 .VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay ngắn hạn (*)	30.050.338.634	28.980.088.706
- Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh	19.367.626.839	17.346.561.146
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh	10.416.055.795	11.244.639.560
- Vay đối tượng khác	266.656.000	388.888.000
Cộng	30.050.338.634	28.980.088.706

(*): mục đích vay bổ sung vốn lưu động, lãi suất 11% đến 11,5%/năm

11 .THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	278.880.722	363.888.998
Thuế tiêu thụ đặc biệt	50.758.510	25.494.311
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.424.823.247	2.258.620.921
Thuế thu nhập cá nhân	118.516.620	-
Cộng	1.872.979.099	2.648.004.230

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	171.989.042	240.047.156
Trích trước chi phí phát hành cổ phiếu		18.181.818
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ		555.859.375
Cộng	171.989.042	814.088.349

13 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	369.885.954	159.848.613
Bảo hiểm xã hội, y tế	101.119.383	176.191.540
Bảo hiểm thất nghiệp	124.741.576	35.586.288
Phải trả về cổ phần hoá	1.320.000	1.320.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.537.505.441	
Các khoản phải trả, phải nộp khác	918.923.661	1.832.415.322
Tạm ứng (Dư Có)	28.570.183	62.816.252
Cộng	4.082.066.198	2.268.178.015

14 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Vay dài hạn	4.501.586.400	1.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tĩnh	370.000.000	1.000.000.000
- Ngân hàng phát triển Việt Nam - CN Hà Tĩnh (*)	4.131.586.400	-
Cộng	4.501.586.400	1.000.000.000

(*): vay đầu tư khu liên hợp sản xuất dược phẩm Hatipharco 11,4%/năm, thời hạn vay 8 năm.

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư, phát triển	Quỹ dự phòng TC	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	33.316.740.000	2.219.600.000	3.706.975.342	815.598.442		
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-		8.285.205.688
Lãi trong năm trước						8.285.205.688
Tăng vốn						
Tăng khác				-		
Giảm vốn trong năm						
Giảm khác						
Số dư cuối năm trước	33.316.740.000	2.219.600.000	3.706.975.342	815.598.442		8.285.205.688
Tăng vốn trong năm nay	25.196.360.000	4.000.000	-	300.000.000		6.823.064.049
Lãi trong năm nay						6.823.064.049
Tăng vốn (*)	25.196.360.000	4.000.000				
Tăng khác			1.368.237.000	300.000.000		
Giảm vốn trong năm nay	-		-	-		8.285.205.688
Giảm khác						8.285.205.688
Số dư cuối năm nay	58.513.100.000	2.223.600.000	5.075.212.342	1.115.598.442		6.823.064.049

(*): Tăng vốn theo Giấy Cn chào bán số 16/GCN-UBCK cấp ngày 25/5/2012

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>%</u>	<u>Đầu năm</u>	<u>%</u>
Vốn góp của Nhà nước	13.959.000.000	23,9%	6.979.500.000	20,9%
Vốn góp của đối tượng khác	44.554.100.000	76,1%	26.337.240.000	79,1%
Cộng	58.513.100.000	100,0%	33.316.740.000	100,0%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	33.316.740.000	33.316.740.000
- Vốn góp tăng trong năm	25.196.360.000	
- Vốn góp giảm trong năm	-	
- Vốn góp cuối năm	58.513.100.000	33.316.740.000

d) Cổ phiếu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.851.310	3.331.674
- Cổ phiếu phổ thông	5.851.310	3.331.674
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.851.310	3.331.674
- Cổ phiếu phổ thông	5.851.310	3.331.674
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.851.310	3.331.674
- Cổ phiếu phổ thông	5.851.310	3.331.674
- Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng

16 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	255.772.505.343	255.222.586.611
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	255.772.505.343	255.222.586.611

17 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chiết khấu thương mại	965.424.419	786.346.899
Giảm giá hàng bán	2.872.422	232.083.172
Hàng bán bị trả lại	1.718.351.136	1.320.720.585
Thuế tiêu thụ đặc biệt	491.549.183	174.150.539
Cộng	3.178.197.160	2.513.301.195

18 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	252.594.308.183	252.709.285.416
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-
Cộng	252.594.308.183	252.709.285.416

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa và dịch vụ đã bán	206.535.385.863	203.099.045.495
Cộng	206.535.385.863	203.099.045.495

20 .DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	155.523.817	149.481.206
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
Cộng	155.523.817	149.481.206

21 .CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	4.492.292.270	5.410.833.451
Chi phí tài chính khác	-	-
Cộng	4.492.292.270	5.410.833.451

22 .CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	2.288.088.017	2.761.735.230
Cộng	2.288.088.017	2.761.735.230

23 .NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kreston ACA Việt Nam. Số liệu này đã được phân loại phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Người lập



Hoàng Thị Hải Vân

Kế toán trưởng



Nguyễn Đăng Phát

Hà Tĩnh, ngày 31 tháng 01 năm 2013

Tổng Giám đốc



Lê Hồng Phúc